

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 229/2026/KDTM-PT

Ngày: 16/6/2026

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thọ Viên

Các Thẩm phán:

Bà Hoàng Thị Bích Thảo

Bà Lê Thị Quỳnh Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Tâm Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Sen - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 115/2026/TLPT-KDTM ngày 19 tháng 03 năm 2026 về vụ việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 0330/2025/KDTM-ST ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực Z, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2746/2026/QĐPT-KDTM ngày 28 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V. Địa chỉ trụ sở chính: Đường A1, phường B3 (phường A1, quận C2 cũ), thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Ngô Chí D** - Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Thiên P**, ông **Đặng Đức T**, ông **Nguyễn Văn L**. Cùng địa chỉ: Đường B5, phường G3, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 03/01/2024).

- Bị đơn: Công ty TNHH Xuất nhập khẩu V1. Địa chỉ trụ sở chính: đường E3, phường F5 (phường G7, quận I4 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Quốc T1** - Chủ tịch HĐQT. Địa chỉ nơi cư trú: Đường J5, phường K3 (phường L5, Quận 1 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông **Nguyễn Ngọc A** (chết năm 2021)

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Anh:

1.1 Bà **Đặng Bích T2**, sinh năm 1945. Địa chỉ: Đường M2, phường Q3 (phường O1, quận S4 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Ngọc L1**, sinh năm 1972. Địa chỉ: 119/18A Đường M2, phường Q3 (phường O1, quận S4 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền ngày 14/12/2023).

1.2 Ông **Nguyễn Ngọc L1**, sinh năm 1972

1.3 Ông **Nguyễn Ngọc H**, sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: 119/18A Đường M2, phường Q3 (phường O1, quận S4 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh

1.4 Bà **Nguyễn Bích N**, sinh năm 1966. Địa chỉ: Đường H5, phường T7 (phường Z7, quận X1 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà **Đặng Bích T2**, sinh năm 1945. Địa chỉ: 119/18A Đường M2, phường Q3 (phường O1, quận S4 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Ngọc L1**, sinh năm 1972. Địa chỉ: 119/18A Đường M2, phường Q3 (phường O1, quận S4 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền ngày 14/12/2023).

3/ Ông **Lê Thanh H1**, sinh năm 1971. Địa chỉ: Đường R8, phường O5 (phường Z2, quận A5 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Ông **Nguyễn Ngọc L1**, sinh năm 1972 - Chủ DNTN Bách Thiên. Địa chỉ: Đường M2, phường Q3 (phường O1, quận S4 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc L1:* Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1992, là Luật sư Công ty TNHH G và Cộng sự thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: Đường I1, phường C9 (phường W6, quận U3 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Bà **Đặng Bích T2** và ông **Nguyễn Ngọc H**, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trình bày của đại diện nguyên đơn:

Ngày 01/8/2019, giữa Ngân hàng TMCP V – Chi nhánh quận K với Công ty TNHH Xuất nhập khẩu V1 thỏa thuận ký kết Hợp đồng cho vay hạn mức số Q11/19/040/HĐHM, theo nội dung hợp đồng hai bên thỏa thuận: Ngân hàng TMCP V – Chi nhánh quận K cấp hạn mức cho vay đối với Công ty TNHH Xuất nhập khẩu V1 số tiền 4.800.000.000 đồng, mục đích là bổ sung vốn phục vụ hoạt động buôn bán sắt, thép, vật liệu xây dựng, thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng tính từ ngày ký hợp đồng, lãi suất thỏa thuận theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay tối đa của các khoản vay từng lần thuộc hạn mức không được vượt quá 12 tháng, thời hạn cụ thể sẽ được quy định trong Khế ước nhận nợ và/hoặc các văn bản liên quan tại mỗi lần bên vay nhận nợ vốn vay, biện pháp

bảo đảm tiền vay: Bảo lãnh của ông Lê Thanh H1 và các biện pháp bảo đảm khác theo thỏa thuận giữa Ngân hàng với bên vay và/hoặc bên thứ ba (nếu có).

Ngày 16/10/2020, giữa Ngân hàng TMCP V – Chi nhánh quận K với Công ty TNHH Xuất nhập khẩu V1 thỏa thuận ký kết Hợp đồng cho vay hạn mức số ADV/20030, theo nội dung hợp đồng hai bên thỏa thuận: Ngân hàng TMCP V – Chi nhánh quận K cấp hạn mức cho vay đối với Công ty TNHH Xuất nhập khẩu V1 số tiền 30.000.000.000 đồng, mục đích là bổ sung vốn lưu động phát hành và thanh toán vật liệu xây dựng, hạn mức cấp bảo lãnh là 30.000.000.000 đồng trừ nghĩa vụ của hạn mức cho vay và tương đương cho vay trong đó: tổng số dư của các loại bảo lãnh tại mọi thời điểm không vượt quá 15.000.000.000 đồng, số dư bảo lãnh tạm ứng tại mọi thời điểm tối đa không vượt quá 5.000.000.000 đồng, thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng tính từ ngày ký hợp đồng, lãi suất thỏa thuận theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay tối đa của các khoản vay từng lần thuộc hạn mức không được vượt quá 06 tháng, thời hạn cụ thể sẽ được quy định trong Khế ước nhận nợ và/hoặc các văn bản liên quan tại mỗi lần bên vay nhận nợ vốn vay.

Quá trình vay vốn và thế chấp tài sản: Công ty TNHH Xuất nhập khẩu V1 vay vốn tại Ngân hàng TMCP V – Chi nhánh quận K theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số ADV/20030 ngày 16/10/2020 và Hợp đồng cho vay hạn mức số Q11/19/040/HDHM ngày 01/08/2019 và các văn kiện đính kèm theo. Tổng số tiền nhận nợ từ Ngân hàng TMCP V là 9.499.140.000 đồng, cụ thể:

Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số ADV/20030 ngày 16/10/2020 được giải ngân theo các khế ước:

Khế ước nhận nợ lần 01/Số: ADV/20030-01 ngày 21/10/2020, số tiền vay là 2.300.000.000 đồng, thời hạn vay là 05 tháng, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, phát hành và thanh toán BLTT phục vụ hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng. Lãi suất và các kỳ trả nợ: Lãi suất cho vay thời điểm giải ngân 09%/năm. Lãi suất được cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, sau đó lãi suất được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 21/11/2020, mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng Lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng do Hội sở chính của Ngân hàng áp dụng với khoản vay có kỳ hạn 5M và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1M (+) biên độ 3.3%/năm, các kỳ trả nợ gốc là thanh toán toàn bộ nợ gốc một lần khi kết thúc thời hạn vay, các kỳ trả nợ lãi là trả 01 lần/tháng vào ngày 10, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 10/11/2020.

Khế ước nhận nợ lần 02/Số: ADV/20030-02 ngày 21/10/2020, số tiền vay là 700.000.000 đồng, thời hạn vay là 05 tháng, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, phát hành và thanh toán BLTT phục vụ hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng. Lãi suất cho vay thời điểm giải ngân 09%/năm, lãi suất được cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, sau đó lãi suất được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 21/11/2020, mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng Lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng do Hội sở chính của Ngân hàng áp dụng với khoản vay có kỳ

hạn 5M và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1M (+) biên độ 3.3%/năm. Các kỳ trả nợ gốc là thanh toán toàn bộ nợ gốc một lần khi kết thúc thời hạn vay, các kỳ trả nợ lãi là trả 01 lần/tháng vào ngày 10, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 10/11/2020.

Khế ước nhận nợ lần 03, Số: ADV/20030-03 ngày 01/12/2020, số tiền vay: 277.000.000 đồng, thời hạn vay: 05 tháng, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, phát hành và thanh toán BLTT phục vụ hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng. Lãi suất cho vay thời điểm giải ngân 09%/năm. Lãi suất được cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, sau đó lãi suất được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 01/01/2021, mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng Lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng do Hội sở chính của Ngân hàng áp dụng với khoản vay có kỳ hạn 5M và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1M (+) biên độ 3.3%/năm, các kỳ trả nợ gốc là thanh toán toàn bộ nợ gốc một lần khi kết thúc thời hạn vay, các kỳ trả nợ lãi là trả 01 lần/tháng vào ngày 10, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 10/01/2021.

Thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước số MD20335WR3H9 ngày 30/11/2020, sửa đổi ngày 29/01/2021, với số tiền là 2.784.000.000 đồng. Theo đó bên được bảo lãnh là Công ty TNHH Xuất nhập khẩu V1, bên nhận bảo lãnh là Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức. Nghĩa vụ bảo lãnh: Bảo đảm toàn bộ nghĩa vụ hoàn trả tiền ứng trước của bên được bảo lãnh đối với bên nhận bảo lãnh theo Hợp đồng mua bán (V/v: Cung cấp thép dự ứng lực pc-bar) số 24-11/HĐMB-VP-LT ký ngày 24/11/2020 giữa Bên được bảo lãnh và Bên nhận bảo lãnh, lãi suất: 21.45%. Ngân hàng TMCP Việt Nam đã thực hiện giải ngân theo Khế ước nhận nợ số MD20335WR3H9 ngày 25/5/2021.

Hợp đồng cho vay hạn mức số Q11/19/040/HDHM ngày 01/08/2019 được giải ngân theo các khế ước:

Khế ước nhận nợ lần 06, số Q11/19/040/HDHM-06 ngày 06/12/2019, số tiền vay: 628.860.000 đồng, thời hạn vay: 12 tháng, mục đích vay là bổ sung vốn phục vụ hoạt động bán buôn sắt thép, vật liệu xây dựng. Lãi suất cho vay thời điểm giải ngân 14.1%/năm. Lãi suất được cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, sau đó lãi suất được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 06/01/2020. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng Lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng do Hội sở chính của Ngân hàng áp dụng với khoản vay có kỳ hạn 12M và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1M (+) biên độ 6.3%/năm. Các kỳ trả nợ gốc là thanh toán nợ gốc định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 05, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 05/01/2020, các kỳ trả nợ lãi là trả 01 lần/tháng vào ngày 05, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 05/01/2020.

Khế ước nhận nợ lần 07, Số Q11/19/040/HDHM-07 ngày 08/01/2020, số tiền vay: 681.360.000 đồng, thời hạn vay: 12 tháng, mục đích vay là bổ sung vốn phục vụ hoạt động bán buôn sắt thép, vật liệu xây dựng. Lãi suất cho vay thời điểm giải ngân 14.1%/năm. Lãi suất được cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, sau đó lãi suất được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 08/02/2020. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng Lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng do Hội sở chính của

Ngân hàng áp dụng với khoản vay có kỳ hạn 12M và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1M (+) biên độ 6.3%/năm. Các kỳ trả nợ gốc: thanh toán nợ gốc định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 05, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 05/02/2020. Các kỳ trả nợ lãi: Trả 01 lần/tháng vào ngày 05, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 05/02/2020.

Khế ước nhận nợ lần: 08/Số Q11/19/040/HDHM-08 ngày 11/02/2020, số tiền vay: 738.160.000 đồng, thời hạn vay: 12 tháng, mục đích vay là bổ sung vốn phục vụ hoạt động bán buôn sắt thép, vật liệu xây dựng. Lãi suất cho vay thời điểm giải ngân 14.1%/năm. Lãi suất được cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, sau đó lãi suất được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 10/03/2020. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng Lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng do Hội sở chính của Ngân hàng áp dụng với khoản vay có kỳ hạn 12M và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1M (+) biên độ 6.3%/năm. Các kỳ trả nợ gốc: thanh toán nợ gốc định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 05, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 05/03/2020, các kỳ trả nợ lãi: Trả 01 lần/tháng vào ngày 05, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 05/03/2020.

Khế ước nhận nợ lần: 09/Số Q11/19/040/HDHM-09 ngày 06/03/2020, số tiền vay: 799.760.000 đồng, thời hạn vay: 12 tháng, mục đích vay là bổ sung vốn phục vụ hoạt động bán buôn sắt thép, vật liệu xây dựng. Lãi suất cho vay thời điểm giải ngân 14.1%/năm. Lãi suất được cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, sau đó lãi suất được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 06/04/2020. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng Lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng do Hội sở chính của Ngân hàng áp dụng với khoản vay có kỳ hạn 12M và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1M (+) biên độ 6.3%/năm. Các kỳ trả nợ gốc: thanh toán nợ gốc định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 05, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 05/04/2020. Các kỳ trả nợ lãi: Trả 01 lần/tháng vào ngày 05, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 05/04/2020.

Khế ước nhận nợ lần: 11/Số Q11/19/040/HDHM-11 ngày 30/07/2020, số tiền vay: 590.000.000 đồng, thời hạn vay: 09 tháng, mục đích vay là bổ sung vốn phục vụ hoạt động bán buôn sắt thép, vật liệu xây dựng. Lãi suất cho vay thời điểm giải ngân 13.7%/năm. Lãi suất được cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, sau đó lãi suất được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 30/08/2020. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng Lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng do Hội sở chính của Ngân hàng áp dụng với khoản vay có kỳ hạn 12M và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1M (+) biên độ 6.3%/năm. Các kỳ trả nợ gốc: thanh toán nợ gốc định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 05, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 05/09/2020. Các kỳ trả nợ lãi: Trả 01 lần/tháng vào ngày 05, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 05/09/2020.

Đề bảo đảm cho khoản vay trên:

- Ông Nguyễn Ngọc A, bà Đặng Bích T2 bảo lãnh thế chấp quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở thửa đất số 14, tờ bản đồ số 16, Phường 11, quận S4, địa chỉ thửa đất: 119/18A Đường 3/2, phường Q3 (Phường 11, quận S4 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số: 2713/03 do Ủy ban nhân dân quận S4, Thành phố Hồ

Chí Minh cấp ngày 30/10/2003 cho ông Nguyễn Ngọc A, bà Đặng Bích T2. Việc thế chấp và nhận thế chấp được thực hiện đúng theo quy định, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số SME/Q11/18/0016/HDTCTC Ngày 22/05/2018, công chứng tại Văn phòng Công chứng Hoàng Xuân Hoan, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 22/05/2018, số công chứng 05513, quyền số 05TP/CC-SCC/HĐGD. Chứng nhận đăng ký thế chấp ngày 22/05/2018 tại Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố Hồ Chí Minh Chi nhánh quận S4.

- Ông Lê Thanh H1 bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Lê Thanh H1 theo Hợp đồng bảo lãnh số ADV/20031 ngày 16/10/2020; Hợp đồng bảo lãnh số Q11/19/040/HĐBL ngày 01/08/2019 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP V với ông Lê Thanh H1.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, Công ty TNHH Xuất nhập khẩu V1 đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, nên toàn bộ khoản vay đã chuyển quá hạn từ ngày 11/03/2021. Ngân hàng TMCP V đã nhiều lần liên hệ làm việc với Công ty TNHH Xuất nhập khẩu V1, người bảo lãnh khoản vay để yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ, yêu cầu bàn giao tài sản bảo đảm nhưng Công ty TNHH Xuất nhập khẩu V1 và người liên quan cố tình trốn tránh thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V.

Tính đến ngày 14/8/2025, Công ty TNHH Xuất nhập khẩu V1 đã trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền sau: Nợ gốc: 2.342.000.000 đồng, nợ lãi: 400.664.831 đồng (chi tiết các ngày trả nợ được liệt kê tại bảng kê tính lãi ngày 14/8/2025). Công ty TNHH Xuất nhập khẩu V1 còn nợ Ngân hàng TMCP V số tiền: Nợ gốc: 6.579.640.000 đồng, lãi quá hạn là 5.982.617.485 đồng. Tổng cộng: 12.634.531.211 đồng. Ngân hàng TMCP V đề nghị Tòa án xem xét và buộc Công ty TNHH Xuất nhập khẩu V1 trả số nợ còn thiếu nêu trên. Đồng thời, Công ty TNHH Xuất nhập khẩu V1 vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn, lãi phạt theo các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.

Trường hợp Công ty TNHH Xuất nhập khẩu V1 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP V yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở thửa đất số 14, tờ bản đồ số 16, Phường 11, quận S4, địa chỉ thửa đất: 119/18A Đường 3/2, phường Q3 (Phường 11, quận S4 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số: 2713/03 do Ủy ban nhân dân quận S4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/10/2003 thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Ngọc A, bà Đặng Bích T2.

Nếu xử lý tài sản thế chấp nêu trên không đủ để thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP V thì ông Lê Thanh H1 phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho Công ty TNHH Xuất nhập khẩu V1 theo Hợp đồng bảo lãnh đã ký với Ngân hàng TMCP V.

Bị đơn Công ty TNHH Xuất nhập khẩu V1 đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng dân sự trong vụ án và triệu tập họp lệ tham gia tố tụng theo quy định

Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng Công ty TNHH Xuất nhập khẩu V1 không đến Tòa tham gia tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến, không có đơn phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Ông Nguyễn Ngọc L1 trình bày: Ông Nguyễn Ngọc A và bà Đặng Bích T2 là chủ tài sản địa chỉ 119/18A Đường 3/2, phường Q3 (Phường 11, quận S4 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 2019, ông Long có hợp tác với Công ty TNHH Xuất nhập khẩu V1 làm ăn nên thế chấp căn nhà đất số 119/18A Đường 3/2, phường Q3 (Phường 11, quận S4 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh cho Ngân hàng TMCP V để làm vốn lưu động.

Hiện nay, những người sinh sống tại địa chỉ 119/18A Đường 3/2, phường Q3 (Phường 11, quận S4 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh gồm có: Bà Đặng Bích T2; ông Nguyễn Ngọc H (đi về không nhất định) và ông Nguyễn Ngọc L1.

Trong thời gian này xảy ra đại dịch Covid 19 nên công việc và thu hồi công nợ bị gián đoạn và khó khăn vì một số đối tác mất khả năng trả tiền công nợ. Thêm vào đó, hiện nay rất nhiều ngân hàng xét duyệt các khoản vay rất khó khăn. Vì vậy ông Long cũng gặp khó khăn để sắp xếp và giải quyết khoản vay với Ngân hàng TMCP V, ông mong Tòa án và Ngân hàng TMCP V xem xét và giúp đỡ cho ông thêm khoảng thời gian qua năm 2023 sẽ giải quyết khoản vay của Ngân hàng TMCP V khi các ngân hàng khác cho vay lại bình thường. Đồng thời, ông sẽ liên hệ với Công ty TNHH Xuất nhập khẩu V1 để công ty có trách nhiệm thanh toán khoản vay cho Ngân hàng TMCP V và mong Tòa án cho ông thêm thời gian đốc thúc Công ty TNHH Xuất nhập khẩu V1 thanh toán với Ngân hàng TMCP V.

Cha của ông là ông Nguyễn Ngọc A đã chết năm 2021, ông Nguyễn Ngọc A có vợ là bà Đặng Bích T2. Giữa ông Anh và bà Thu có 03 người con là bà Nguyễn Bích N , sinh năm 1966, ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1970 và ông Nguyễn Ngọc L1, sinh năm 1972. Ngoài 03 người con chung trên thì ông Anh và bà Thu không có con riêng nào khác.

Ngoài ra, ông là chủ của DNTN Bách Thiên có địa chỉ đăng ký hoạt động tại căn nhà số 119/18A Đường 3/2, Phường 11, quận S4, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay Ngân hàng TMCP V có tranh chấp liên quan căn nhà trên ông không có ý kiến gì với tranh chấp này. Ông chỉ yêu cầu Tòa án và Ngân hàng xem xét, hỗ trợ để ông được giữ lại căn nhà cho mẹ già ở.

- Bà Đặng Bích T2, bà Nguyễn Bích N , ông Nguyễn Ngọc H, ông Lê Thanh H1 đã được Tòa án tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định Pháp luật tố tụng nhưng vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết mà không có lý do, không có đơn yêu cầu độc lập, không có văn bản trình bày ý kiến liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đặng Bích T2, ông Nguyễn Ngọc H, ông Lê Thanh H1, ông Nguyễn Ngọc L1, ông Nguyễn Ngọc L1 – Chủ

DNTN Bách Thiên, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc L1 là Luật sư Nguyễn Văn S vắng mặt, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hay vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Bích N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 0330/2025/KDTM-ST ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực Z, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V.

Buộc Công ty TNHH Xuất nhập khẩu V1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền là 12.634.531.211 đồng (trong đó nợ gốc: 6.579.640.000 đồng, lãi trong hạn: 72.273.726 đồng, lãi quá hạn là 5.982.617.485 đồng) tính đến ngày 14/8/2025, đối với Hợp đồng cho vay hạn mức số Q11/19/040/HDHM ngày 01/08/2019, Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số ADV/20030 ngày 16/10/2020, cùng các Khế ước nhận nợ số ADV/20030-01 ngày 21/10/2020, số ADV/20030-02 ngày 21/10/2020, số ADV/20030-03 ngày 01/12/2020, số MD20335WR3H9 ngày 25/5/2021, số Q11/19/040/HDHM-06 ngày 06/12/2019, số Q11/19/040/HDHM-07 ngày 08/01/2020, số Q11/19/040/HDHM-08 ngày 11/02/2020, số Q11/19/040/HDHM-09 ngày 06/03/2020, số Q11/19/040/HDHM-11 ngày 30/07/2020.

Kể từ ngày 15/8/2025, cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH Xuất nhập khẩu V1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ.

Ngân hàng TMCP V sẽ có trách nhiệm giải chấp tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số SME/Q11/18/0016/HDTC ngày 22/05/2018 trong trường hợp Công ty TNHH Xuất nhập khẩu V1 tất toán toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp Công ty TNHH Xuất nhập khẩu V1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số SME/Q11/18/0016/HDTC ngày 22/05/2018 để thu hồi nợ, là nhà đất số 119/18A Đường 3/2, phường Q3 (Phường 11, quận S4 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 2713/03 do Ủy ban nhân dân quận S4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/10/2003 thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Ngọc A (chết năm 2021 có người thừa kế quyền và nghĩa vụ là bà Đặng Bích T2 và bà Nguyễn Bích N, ông Nguyễn Ngọc H, ông Nguyễn Ngọc L1) và bà Đặng Bích T2.

Trường hợp sau khi phát mãi mà giá trị phát mãi không đủ thanh toán nợ thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Lê Thanh H1 theo Hợp đồng bảo lãnh số ADV/20031 ngày 16/10/2020; Hợp đồng bảo lãnh số Q11/19/040/HĐBL ngày 01/08/2019.

- Về chi phí tố tụng: Buộc Công ty TNHH Xuất nhập khẩu V1 phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V chi phí tố tụng mà Ngân hàng TMCP V tạm ứng là 7.000.000 đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Công ty TNHH Xuất nhập khẩu V1 phải chịu là 120.634.531 đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí là 58.467.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000077 ngày 24/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận I4, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự theo luật định.

Ngày 12/9/2025 Bà Đặng Bích T2 và ông Nguyễn Ngọc H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm với yêu cầu: Sửa một phần nội dung bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ, hủy hợp đồng thế chấp tài sản do bị lừa dối, trả lại Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đã thế chấp cho ông Nguyễn Ngọc A và bà Đặng Bích T2.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện bà Đặng Bích T2 và ông Nguyễn Ngọc H có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm.

Đại diện ngân hàng không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà Đặng Bích T2 và ông Nguyễn Ngọc H, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị không chấp yêu cầu kháng cáo của bà Đặng Bích T2 và ông Nguyễn Ngọc H. Án sơ thẩm giải quyết tranh chấp là có căn cứ, đúng quy định pháp luật nên đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Đặng Bích T2 và ông Nguyễn Ngọc H làm trong hạn luật định nên chấp nhận xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc H, bà Nguyễn Bích N và ông Nguyễn Ngọc L1 là người đại diện theo ủy quyền của bà Đặng

Bích T2 có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này theo thủ tục chung.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Đặng Bích T2 và ông Nguyễn Ngọc H có đủ căn cứ để xác định:

Căn cứ Hợp đồng cho vay hạn mức số Q11/19/040/HDHM ngày 01/08/2019, Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số ADV/20030 ngày 16/10/2020 cùng 09 Khế ước nhận nợ thì Ngân hàng TMCP V đã cho Công ty TNHH Xuất nhập khẩu V1 vay số tiền tổng cộng là 9.499.140.000 đồng.

Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty TNHH Xuất nhập khẩu V1 số tiền vay theo các Khế ước nhận nợ sau:

Khế ước nhận nợ số ADV/20030-01 ngày 21/10/2020, số tiền vay là 2.300.000.000 đồng; số ADV/20030-02 ngày 21/10/2020, số tiền vay là 700.000.000 đồng; số ADV/20030-03 ngày 01/12/2020, số tiền vay là 277.000.000 đồng; số MD20335WR3H9 ngày 25/5/2021, số tiền là 2.784.000.000 đồng; số Q11/19/040/HDHM-06 ngày 06/12/2019, số tiền vay là 628.860.000 đồng; số Q11/19/040/HDHM-07 ngày 08/01/2020, số tiền vay là 681.360.000 đồng; số Q11/19/040/HDHM-08 ngày 11/02/2020, số tiền vay là 738.160.000 đồng; số Q11/19/040/HDHM-09 ngày 06/03/2020, số tiền vay là 799.760.000 đồng; số Q11/19/040/HDHM-11 ngày 30/07/2020, số tiền vay là 590.000.000 đồng.

Công ty TNHH Xuất nhập khẩu V1 đã thanh toán được số tiền gốc là 2.919.500.000 đồng, còn nợ là 6.579.640.000 đồng.

Dư nợ tính đến ngày 14/8/2025: Nợ gốc: 6.579.640.000 đồng, lãi trong hạn: 72.273.726 đồng, lãi quá hạn là 5.982.617.485 đồng; Tổng cộng số tiền là 12.634.531.211 đồng.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị đơn phải trả các khoản tiền trên cho nguyên đơn là có căn cứ. Phần này nguyên đơn và bị đơn không kháng cáo nên phát sinh hiệu lực pháp luật.

Đối với tài sản thế chấp bảo đảm nợ vay:

Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 2713/03 do Ủy ban nhân dân quận S4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/10/2003 cho ông Nguyễn Ngọc A và bà Đặng Bích T2 thì tài sản thế chấp là nhà đất số 119/18A Đường 3/2, phường Q3 (Phường 11, quận S4 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Ngọc A và bà Đặng Bích T2.

Căn cứ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số SME/Q11/18/0016/HDTC ngày 22/05/2018 do Văn phòng Công chứng Hoàng Xuân Hoan, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận số công chứng 05513, quyền số 05 TP/CC – SCC/HĐGD ngày 22/05/2018 đối với nhà đất số 119/18A Đường 3/2, phường Q3 (Phường 11, quận S4 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh được ký kết giữa Ngân hàng với ông

Nguyễn Ngọc A và bà Đặng Bích T2. Việc thế chấp đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận S4, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận thế chấp ngày 22/05/2018 thì tài sản thế chấp đã được đăng ký thế chấp theo đúng quy định tại khoản 4 Điều 323 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Việc thế chấp đã tuân thủ về hình thức đúng, chủ thể ký kết giao dịch có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự, hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực thi hành làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên nên việc các ông bà Đặng Bích T2, Nguyễn Ngọc H kháng cáo không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ, hủy hợp đồng thế chấp tài sản do bị lừa dối là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với Hợp đồng bảo lãnh số ADV/20031 ngày 16/10/2020; Hợp đồng bảo lãnh số Q11/19/040/HĐBL ngày 01/08/2019, có nội dung ông Lê Thanh H1 bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ cho Công ty TNHH Xuất nhập khẩu V1 tại Hợp đồng cho vay hạn mức số Q11/19/040/HDHM ngày 01/8/2019 và Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số ADV/20030 ngày 16/10/2020.

Ngân hàng TMCP V yêu cầu ông Lê Thanh H1 thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cá nhân như đã ký kết nếu sau khi phát mãi tài sản bảo đảm không đủ thanh toán nợ của Công ty TNHH Xuất nhập khẩu V1. Ngân hàng và ông Lê Thanh H1 không kháng cáo nên phát sinh hiệu lực pháp luật.

Từ những nhận định trên thấy rằng, Tòa án cấp sơ thẩm trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng, áp dụng pháp luật, nhận định để giải quyết vụ án là có căn cứ nên giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đặng Bích T2, Nguyễn Ngọc H mỗi người phải chịu là 2.000.000 đồng do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 148, Điều 293, Khoản 3 Điều 296, Khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đặng Bích T2 và ông Nguyễn Ngọc H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V.

1.1 Buộc Công ty TNHH Xuất nhập khẩu V1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền là 12.634.531.211 đồng (trong đó nợ gốc: 6.579.640.000 đồng, lãi trong hạn: 72.273.726 đồng, lãi quá hạn là 5.982.617.485 đồng) tính đến ngày 14/8/2025, đối với Hợp đồng cho vay hạn mức số Q11/19/040/HDHM ngày 01/08/2019, Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số ADV/20030 ngày 16/10/2020, cùng các Khế ước nhận nợ số ADV/20030-01 ngày 21/10/2020, số ADV/20030-02 ngày 21/10/2020, số ADV/20030-03 ngày 01/12/2020, số MD20335WR3H9

ngày 25/5/2021, số Q11/19/040/HDHM-06 ngày 06/12/2019, số Q11/19/040/HDHM-07 ngày 08/01/2020, số Q11/19/040/HDHM-08 ngày 11/02/2020, số Q11/19/040/HDHM-09 ngày 06/03/2020, số Q11/19/040/HDHM-11 ngày 30/07/2020.

Kể từ ngày 15/8/2025, cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH Xuất nhập khẩu V1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ.

Ngân hàng TMCP V sẽ có trách nhiệm giải chấp tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số SME/Q11/18/0016/HDTC ngày 22/05/2018 trong trường hợp Công ty TNHH Xuất nhập khẩu V1 tắt toán toàn bộ khoản nợ.

1.2 Trường hợp Công ty TNHH Xuất nhập khẩu V1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số SME/Q11/18/0016/HDTC ngày 22/05/2018 để thu hồi nợ, là nhà đất số 119/18A Đường 3/2, phường Q3 (Phường 11, quận S4 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 2713/03 do Ủy ban nhân dân quận S4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/10/2003 thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Ngọc A (chết năm 2021 có người thừa kế quyền và nghĩa vụ là bà Đặng Bích T2 và bà Nguyễn Bích N, ông Nguyễn Ngọc H, ông Nguyễn Ngọc L1) và bà Đặng Bích T2.

1.3 Trường hợp sau khi phát mãi mà giá trị phát mãi không đủ thanh toán nợ thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Lê Thanh H1 theo Hợp đồng bảo lãnh số ADV/20031 ngày 16/10/2020; Hợp đồng bảo lãnh số Q11/19/040/HĐBL ngày 01/08/2019.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc Công ty TNHH Xuất nhập khẩu V1 phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V chi phí tố tụng mà Ngân hàng TMCP V tạm ứng là 7.000.000 đồng.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH Xuất nhập khẩu V1 phải chịu là 120.634.531 đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí là 58.467.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000077 ngày 24/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận I4, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh).

4. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Bà Đặng Bích T2 phải chịu là 2.000.000 đồng được trừ vào Biên lai thu số 0018750 ngày 19 tháng 9 năm 2025 là 300.000 đồng và Biên lai thu số 0050955 ngày 18 tháng 12 năm 2025 là 1.700.000 đồng; Ông Nguyễn Ngọc H phải chịu 2.000.000 đồng được trừ vào Biên lai thu số 0018748 ngày 19 tháng 9 năm 2025 là 300.000 đồng và Biên lai thu số 0050959 ngày 18 tháng 12 năm 2025 là 1.700.000 đồng của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tối cao;
- VKSND TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- TAND khu vực Z;
- Phòng THADS khu vực Z;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Lê Thọ Viên